

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VÕ TRƯƠNG NHƯ NGỌC**
2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1977; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: Huyện Phù Mỹ-Tỉnh Bình Định
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21, Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ:

Võ Trương Như Ngọc

Số 21, Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: (024) 36 43 6868; Điện thoại di động: 09 4578 6868

Địa chỉ E-mail: nhungoc@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ năm 2001 đến 2004: Học bác sỹ nội trú bệnh viện/trợ giảng tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW
 - Tháng 5/2005 đến 12/2005: Bác sỹ điều trị tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW, công tác tại Phòng khám cấp cứu và Khoa Phẫu thuật Hàm Mặt.
 - Từ năm 2006 đến 2009: Giảng viên Trường Đại học Răng Hàm Mặt. Chức vụ: Phó trưởng Bộ môn Giải Phẫu - Mô Phôi răng, Bí thư Đoàn trường.
 - Từ năm 2009 đến nay: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Hà Nội.
 - Từ năm 2014-2017: Phó trưởng phòng quản lý khoa học và công nghệ Trường Đại học Y Hà Nội

Chức vụ hiện nay:

+ Phó Viện trưởng Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

- + Phó giám đốc trung tâm kỹ thuật cao Răng Hàm Mặt
- + Trưởng bộ môn Răng trẻ em

Chức vụ cao nhất đã qua:

Phó trưởng phòng QL.KH&CN Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó trưởng Bộ môn Giải Phẫu - Mô Phôi răng trường Đại học Răng Hàm Mặt.
Bí thư Đoàn Thanh niên trường Đại học Răng Hàm Mặt.

Cơ quan công tác hiện nay:

Bộ môn Răng trẻ em - Viện Đào Tạo Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Hà Nội.
Địa chỉ cơ quan: Nhà A7, Số 1, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại cơ quan: 043.5747005, Địa chỉ E-mail:....., Fax: 0439287192
Hệ số lương:

- Hiện nay: 6,56
- Trước khi nghỉ hưu (nếu đã nghỉ hưu): Chưa nghỉ hưu

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 07 tháng 9 năm 2000, ngành: Y, chuyên ngành: Răng Hàm Mặt
Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội – Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 14 tháng 8 năm 2009, ngành: Y, chuyên ngành: Răng Hàm Mặt
Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội – Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 09 tháng 4 năm 2011, ngành: Y, chuyên ngành: Răng Hàm Mặt
Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội – Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 21 tháng 01 năm 2015,
ngành: Y học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu xác định các chỉ số sọ mặt phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị bệnh răng hàm mặt.
- Nghiên cứu công nghệ mới và áp dụng trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý răng miệng.
- Nghiên cứu thực trạng bệnh răng miệng và các yếu tố nguy cơ ở cộng đồng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 36 học viên bao gồm: 23 Học viên Cao học, 08 bác sỹ nội trú, 05 bác sỹ chuyên khoa 2 bảo vệ thành công luận văn. Hiện đang hướng dẫn 10 học viên bao gồm 04 nghiên cứu sinh, 01 chuyên khoa 2, 05 cao học.

- Đã chủ nhiệm hoàn thành 09 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 đề tài nhánh thuộc đề tài nhà nước và 01 đề tài cấp thành phố. Thư ký : 01 đề tài cấp bộ

- Đã công bố **159** bài báo khoa học, trong đó có **22** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (18 bài thuộc Web of Science: 8 bài ESCI, 10 bài SCIE; 03 bài thuộc Scopus, trong đó có 11 bài là tác giả chính đứng tên đầu, 04 bài là đồng tác giả chính).

- Đã được cấp (số lượng) 01 Giấy chứng nhận đăng ký quyền đồng tác giả ‘Nghiên cứu chế tạo mô hình thông minh ứng dụng trong giáo dục và đào tạo’.

- Số lượng sách đã xuất bản: đã xuất bản **18** cuốn sách do các nhà xuất bản có uy tín xuất bản (trong đó, Chủ biên: 01 sách chuyên khảo, 05 sách giáo trình, 04 sách tham khảo, 02 sách khác và tham gia biên soạn: 08 cuốn giáo trình)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển nhà Trường theo quyết định số 2735/QĐ-BYT ngày 06/8/2012.

- Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ về thành tích đóng góp vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ và xây dựng tổ chức Đoàn của BCH TW ĐTNCS HCM, số 889/QĐ/TWĐTN, Hà nội, ngày 7/11/2012.

- Chiến sỹ thi đua cấp bộ theo quyết định số 2955/QĐ-BYT, ngày 8/8/2014, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành y tế giai đoạn 2012-2013.

- Bằng khen của Bộ y tế về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Thầy thuốc trẻ, đạt Giải thưởng ‘Đặng Thùy Trâm’ năm 2016, theo QĐ số 544/QĐ-BYT, ngày 22/2/2016.

- Bằng khen của Thành Đoàn Hà nội vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, nhiệm kỳ 2014-2017, số 4142-QĐ/TĐTN-VP, ngày 12/6/2017.

- Bằng khen Bộ y tế, theo quyết định 264/QĐ-BYT, ngày 3/2/2020, đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2018-2019.

- Bằng khen theo quyết định số 1365/QĐ-LHHVN ngày 30/12/2019, đã có thành tích đoạt giải Ba, hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 15 năm (2018-2019).

- Chiến sỹ thi đua cấp bộ theo quyết định số 3375/QĐ-BYT, ngày 31/7/2020, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành y tế giai đoạn 2017-2019.

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực từ ... đến): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giảng dạy, nghiên cứu, hết lòng thương yêu chăm sóc, giáo dục sinh viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững của Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên, học viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp, lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Viện.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số thời gian giảng dạy: 15 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	01	01	2/0/3	02	198	448	646/626,15/360
2	2016-2017	03	01	4/3/2	01	55	1426	1481/1195,2/360
3	2017-2018	03		2/0/0		150	1086	1236/901,3/360
3 năm học cuối								
4	2018-2019	04		1/0/0		125	518	643/675,1/360
5	2019-2020	02		4/2/0	01	303	281	584/643,5/360
6	2020-2021	04		4/2/0	01	94	560	654/679/360

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu (Lưu ý: Ghi rõ số giờ định mức cho giảng viên cơ hữu theo quy định của cơ sở giáo dục đại học).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh (văn bằng 2), Tiếng Pháp (DELF 1)

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: Tiếng Pháp B2 Châu Âu.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng 2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSN T	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày tháng năm đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
Nghiên cứu sinh hướng dẫn đã bảo vệ								
1	Cao Thanh Phong	X			X		Trường ĐH Y Hà Nội	2018
2	Nguyễn Thị Vân Anh	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	2019
3	Hoàng Thị Đợi	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	2019
4	Phùng Thị Thu Hà	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	2020
Đang hướng dẫn								
5	Mai Thị Giang Thanh	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	BV cơ sở t6/21

6	Hà Văn Hưng	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	
7	Đỗ Hoàng Việt	X		X			Trường ĐH Y Hà Nội	
8	Bùi Hữu Tuấn	X		X			Viện nghiên cứu khoa học y dược lâm sàng 108	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK,GT, TK,HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận PGS							
Sách giáo trình							
1	Răng trẻ em	GT	Nhà xuất bản giáo dục Việt nam-Năm 2013	03	Chủ biên	9-18, 39-54, 55-66, 140-155, 179-191, 209-219, 220-228, 229-249, 250-261, 262-295, 296-304.	Đại học Y Hà Nội 15/QĐ-VĐTRHM, ngày 12/3/2013
2	Chữa răng và nội nha Tập 1	GT	Nhà xuất bản giáo dục Việt nam-Năm 2013	07	Tham gia biên soạn	11-32, 33-55	Đại học Y Hà Nội 15/QĐ-VĐTRHM, ngày 12/3/2013
3	Nha cơ sở tập 2	GT	Nhà xuất bản giáo dục Việt nam-Năm 2013	11	Tham gia biên soạn	101-105, 106-119, 120-145, 146-153, 154-162, 163-174, 236-252	Đại học Y Hà Nội 15/QĐ-VĐTRHM, ngày 12/3/2013
Sách tham khảo							
4	Tăng trưởng đầu-mặt	TK	Nhà xuất bản giáo dục Việt nam-Năm 2013	02	Đồng chủ biên	7-15, 16-18, 19-23, 24-48, 49-70, 71-74, 75-77, 78-92, 93-103, 104-111, 112-135, 136-147	Đại học Y Hà nội, Số 3390/QĐ-ĐHYHN, ngày 25/9/2014
5	Phân tích đầu-mặt và thẩm mỹ khuôn mặt	TK	Nhà xuất bản Y học, nam 2014	01	Chủ biên	9-14, 15-18, 19-54, 55-98, 99-106, 107-194	Đại học Y Hà nội, Số 3390/QĐ-ĐHYHN, ngày 25/9/2014

Sau khi được công nhận PGS							
Sách giáo trình							
6	Răng trẻ em- Tập 1,2 (sau đại học)	GT	Nhà xuất bản Huế, năm 2014	01	Chủ biên	1-12, 15-32, 33-40, 41-74, 75-110, 111-136, 139-156, 157-204, 205-226, 227-248, 249-274, 275-296, 297-308, 309-346, 347-368, 369-420, 421-456, 457-498, 499-554, 555-565, 567-598, 599-602, 603-632, 633-656, 657-694, 695-702, 703-720, 721-738, 739-772, 773-802, 803-818, 819-846, 847-856, 857-880	Đại học Y Hà Nội QĐ số 2892/QĐ ĐHYHN 23/8/2014, Biên bản họp 29/8/2014
7	Nha cộng đồng – Tập 1 (SDH)	GT	Nhà xuất bản y học, Năm 2014	7	Tham gia biên soạn	374-411	Đại học Y Hà Nội Số 3884/QĐ-ĐHYHN, 20/9/2017
8	Nha cộng đồng – Tập 2 (SDH)	GT	Nhà xuất bản y học, Năm 2014	7	Tham gia biên soạn	217-227, 228-240, 241-251, 252-266, 267-278, 279-283	Đại học Y Hà Nội Số 3884/QĐ-ĐHYHN, 20/9/2017
9	Tâm lý và đạo đức nha khoa	GT	Nhà xuất bản y học, năm 2018	11	Chủ biên	10-24, 34-45, 46-50, 51-61, 70-79, 80-84, 149-161	Đại học Y Hà Nội Số 5698/QĐ-ĐHYHN, 15/12/2017
10	Ghi hình và chụp ảnh trong Răng Hàm Mặt	GT	Nhà xuất bản y học, năm 2018	5	Chủ biên	38-54, 55-64, 65-80, 81-109, 110-118, 119-134, 135-143	Đại học Y Hà Nội Số 5697/QĐ-ĐHYHN, 15/12/2017

11	Răng trẻ em (2020)	GT	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	14	Chủ biên	11-20,21-43, 44-58, 59-70, 86-96, 97-110, 189-202, 203-215, 216-241, 242-251, 295-305, 306-329, 330-361, 362-373	Đại học Y Hà Nội Số 3401/QĐ-ĐHYHN, 27/8/2020
12	Khoa học hành vi trong Răng Hàm Mặt	GT	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	7	Chủ biên	18-27, 36-58, 59-74, 75-99	Đại học Y Hà Nội Số 3419/QĐ-ĐHYHN, 27/8/2020
13	Thực hành lâm sàng nha khoa trẻ em	GT	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	6	Tham gia biên soạn	52-64, 111-117, 158-165, 173-188, 198-207	ĐH Y Hà Nội Số 3402/QĐ-ĐHYHN, 27/8/2020
14	Tối ưu hoá môi trường làm việc	GT	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	6	Tham gia biên soạn	112-121, 146-164	Đại học Y Hà Nội, Số 3417/QĐ-ĐHYHN, Ngày 27/8/2020
15	Mô phôi Răng Hàm mặt	GT	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	5	Tham gia biên soạn	120-146, 147-169	Đại học Y Hà Nội Số 3418/QĐ-ĐHYHN, Ngày 27/8/2020
Sách chuyên khảo							
16	Chỉ số đầu mặt ở một số lứa tuổi trẻ em Việt Nam	CK	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2021	01	Chủ biên	7-27, 28-42, 43-78, 79-84, 85-107, 108-124, 125-160, 161-175	Đại học Y Hà Nội Số 3403/QĐ-ĐHYHN, 27/8/2020
Các sách tham khảo khác							
17	Minivis và các khí cụ di xa răng hàm	TK	Nhà xuất bản	02	Đồng chủ biên	3-26, 27-54, 55-66, 67-142, 143-202, 203-230, 231-276, 277-284, 285-294, 295-306, 307-314, 315-324, 325-330, 331-344, 345-354, 355-364, 365-392, 393-396	

18	Nâng cao sức khỏe răng miệng cho trẻ em ở cộng đồng	TK	Năm 2017	8	Chủ biên	7-18, 86-99, 100-135, 136-146, 164-177, 178-190, 191-202, 203-200, 262-275	
----	---	----	----------	---	----------	--	--

(Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu
Trước khi được công nhận PGS					
1	Đánh giá hiệu quả làm giảm các yếu tố nguy cơ gây sâu răng của kẹo cao su chewing Gum Lotte có chứa Xylitol		Trường	6/2007-4/2008	22/4/2008 Khá
2	Ứng dụng của Laser huỳnh quang trong việc chẩn đoán sớm bệnh sâu răng ở cộng đồng	TK	Bộ	2010-2013	17/5/2013 Xuất sắc
3	Đánh giá thực trạng điều trị bệnh sâu răng ở trẻ em tại một số địa bàn đặc biệt tại Hà Nội năm 2011	CN	Cấp cơ sở	8/2011-2/2012	23/12/2013 Xuất sắc
4	Nhận xét hiệu quả trám bít hố rãnh răng hàm lớn thứ nhất ở trẻ em bằng Clinpro-Sealant	CN	Cấp cơ sở	6/2010-6/2011	23/12/2013 Xuất sắc
5	Nhận xét thực trạng khớp cắn và thực trạng răng dính, răng sinh đôi, thiếu răng sữa ở trẻ em tại Trường Mẫu giáo Việt Triều năm 2013.	CN	Cấp cơ sở	3/2013-3/2014	7/7/2014 Xuất sắc
6	Nhận xét hiệu quả phục hồi thân răng hàm sữa ở trẻ em bằng chụp thép có sẵn	CN	Cấp cơ sở	3/2013-3/2014	7/7/2014 Xuất sắc
Sau khi được công nhận PGS					
7	Mô tả thực trạng bệnh sâu răng và bệnh sinh men bất toàn tại khu vực A Lưới, Thừa Thiên Huế và vùng đối chứng năm 2015	CN	Cấp cơ sở	07/2015-07/2016	27/5/2016 Xuất sắc

8	Thực trạng khe hở môi - vòm miệng tại huyện Phù Cát, Bình Định giai đoạn 2006-2016 và một số liên quan	CN	Cấp cơ sở	9/2016-2/2017	11/3/2017 Xuất sắc
9	Mô tả thực trạng bệnh sâu răng và bệnh sinh men bất toàn tại khu vực Phù Cát, Bình Định năm 2016.	CN	Cấp cơ sở	9/2016-2/2017	11/3/2017 Xuất sắc
10	So sánh kết quả điều trị hỗ trợ viêm lợi của dung dịch nước muối điện hoá Dr ECA và dung dịch nước súc miệng Kin gingival.	CN	Cấp cơ sở	6/2017-1/2018	30/1/2018 Xuất sắc
11	Đặc điểm lâm sàng, X-quang và di truyền phân tử ở bệnh nhân có hội chứng Loạn sản ngoại bì thiếu tuyến mồ hôi	CN	Cấp cơ sở	6/2017-1/2018	30/1/2018 Xuất sắc
12	Nghiên cứu xác định các đặc điểm, chỉ số nhân trắc đầu mặt ở người Việt Nam để ứng dụng trong điều trị y học bằng phương pháp đo trên trên phim sọ mặt từ xa	CN	Đề tài nhánh của đề tài nhà nước	10/2016-	Xuất sắc
13	Nghiên cứu xác định các đặc điểm, chỉ số nhân trắc đầu mặt ở người Việt Nam để ứng dụng trong điều trị y học bằng phương pháp đo trên ảnh chuẩn hoá và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nụ cười, khuôn mặt hài hoà cho người dân tộc Kinh	CN	Đề tài nhánh của đề tài nhà nước	10/2016-	Xuất sắc
14	Xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động và ứng dụng tại một số cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố Hà Nội	CN	Cấp thành phố	8/2018-7/2020	28/7/2020 Xuất sắc

(Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a Bài báo khoa học đã công bố.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số,	Trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận PGS									
1	Nhận xét một số mối tương quan giữa kích thước răng-cung răng và các điểm mốc giải phẫu sọ mặt	1	X	Tạp chí thông tin y dược ISSN 0868-3891			12	32-35	2006
2	Nhận xét đặc điểm kết cấu sọ mặt trên phim sọ nghiêng chụp theo kỹ thuật từ xa ở một nhóm người Việt Nam đang điều trị nắn chỉnh răng	01	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			556+55 7/3	56-59	2007
3	Đánh giá hiệu quả của kẹo cao su Chewing gum Lotte có chứa Xylitol để làm giảm các yếu tố nguy cơ gây bệnh sâu răng	02	X	Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			32/3	192-197	2007
4	So sánh phương pháp đo nhân trắc trực tiếp và đo trên phim sọ mặt từ xa trong phân tích đặc điểm kết cấu sọ mặt	01	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			696/1	26-29	2010
5	Đặc điểm đường thẩm mỹ S và E ở một nhóm sinh viên lứa tuổi 18-25	01		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			709/3	44-46	2010

6	Nhận xét đặc điểm hình thái và tăng trưởng mô mềm mũi ở một nhóm trẻ em người Việt tuổi từ 7-11	04		Tạp chí thông tin y được ISSN 0868-3891			4		2012
7	Nghiên cứu các hình thái lệch lạc khớp cắn trên các học sinh thiếu răng vĩnh viễn bẩm sinh tuổi 15-17 tại Trường THPT Đoàn kết Hà Nội năm 2010	04		Tạp chí thông tin y được ISSN 0868-3891			2	13-16	2013
8	Nghiên cứu thực trạng thiếu răng vĩnh viễn bẩm sinh ở học sinh 15-17 tuổi tại Trường THPT Đoàn Kết-Hà Nội năm 2010	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			402/1	94-97	2013
9	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, X quang bệnh lý tủy răng hàm sữa	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			403/2	42-45	2013
10	Nghiên cứu hiệu quả của việc sử dụng ốc nong nhanh để điều trị kém phát triển chiều ngang xương hàm trên	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			403/2	84-88	2013
11	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, X quang răng xoay trục và ảnh hưởng đến khớp cắn ở một nhóm bệnh nhân đang điều trị nắn chỉnh răng tại Bệnh viện Việt Nam Cuba năm 2012	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			404/1	55-58	2013
12	Khảo sát thực trạng bệnh sâu răng và bệnh quanh răng ở một nhóm người cao tuổi tại Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Hà Nội năm 2012	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			404/1	6-9	2013

13	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, Xquang và nguyên nhân của các răng cần điều trị tủy lại	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			864/3	66-69	2013
14	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, Xquang của bệnh nhân kém phát triển xương hàm trên theo chiều ngang	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			860/3	55-59	2013
15	Nghiên cứu tình trạng lệch lạc khớp cắn của một nhóm sinh viên Trường Đại Học Y Hải Phòng năm 2012	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			404/2	75-79	2013
16	Nghiên cứu tình trạng lệch lạc khớp cắn ở trẻ em lứa tuổi 12-15 tại Trường trung học cơ sở thôn Át sát-Viêng Chăn Lào năm 2012	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			404/2	101-105	2013
17	Đánh giá kỹ thuật so màu răng bằng bảng so màu VITA 2D cổ điển và phổ quang kế Vita Easyshade Compact trên thực nghiệm	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			405/1	52-56	2013
18	Nghiên cứu đặc điểm kết cấu sọ mặt và khuôn mặt hài hòa trên ảnh chuẩn hóa kỹ thuật số ở một nhóm sinh viên tuổi 18-25	04	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			867/4	32-35	2013
19	Nhận xét hình thái mô mềm mũi ở nhóm sinh viên Viện Đào Tạo Răng Hàm Mặt tuổi từ 18-25 trên ảnh kỹ thuật số chuẩn hóa	05	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			866/4	21-24	2013

20	Nhận xét hình thái mô mềm mũi ở nhóm sinh viên Trường cao đẳng Y tế Bình Dương tuổi từ 18-25	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			406/2	111-117	2013
21	Nghiên cứu kết quả điều trị nội nha viêm tủy không hồi phục bằng Protaper tay tại khoa Răng Hàm mặt-Bệnh viện Đống Đa Hà Nội	02		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			405/2	52-55	2013
22	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và X quang sai lệch khớp cắn loại II do lùi xương hàm dưới ở BV Việt Nam Cuba năm 2010-2012	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			870/5	121-124	2013
23	Nhận xét bước đầu kết quả liền thương sau cắm lại răng muộn trên thực nghiệm	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			870/5	124-126	2013
24	Nhận xét một số mối tương quan giữa mô mềm và mô cứng vùng sọ mặt trên phim XQ sọ nghiêng từ xa ở một nhóm sinh viên có khớp cắn Angle I	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			408/1	7-10	2013
25	Đánh giá tình trạng lệch lạc khớp cắn ở trẻ em 12-15 tuổi tại Trường THCS Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			408/1	104-108	2013
26	Nhận xét một số đặc điểm hình thái mô mềm khuôn mặt trên phim sọ nghiêng từ xa ở một nhóm sinh viên có khớp cắn Angle I	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			874/6	146-149	2013

27	Nhận xét dạng cung răng và một số kích thước cung răng ở một nhóm sinh viên đang học tại Trường ĐH Y Hải Phòng năm 2012	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663 ISSN 1859-1663			874/6	150-153	2013
28	Thực trạng sâu răng hàm lớn vĩnh viễn thứ nhất của học sinh 7-9 tuổi tại trường tiểu học Hermann Gmerner – Cầu Giấy- Hà Nội năm 2012	02	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			876/7	59-61	2013
29	Phân tích độ dày màng xoang, chiều cao sống hàm vùng mất răng sau hàm trên bằng Cone beam Ct ứng dụng trong cấy ghép Implant có nâng xoang	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			876/7	73-76	2013
30	Đánh giá nhu cầu thẩm mỹ của chỉ số nhu cầu điều trị chỉnh nha của một nhóm người dân thành phố Thủ dầu một-Bình Dương	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			876/7	155-159	2013
31	Nghiên cứu kết quả điều trị nội nha các răng hàm sữa tại khoa Răng trẻ em bệnh viện răng hàm mặt trung ương Hà nội năm 2012	05		Tạp chí thông tin y dược ISSN 0868-3891			3	15-18	2013
32	Nhận xét một số yếu tố liên quan đến việc kiểm soát mảng bám răng của sinh viên Trường ĐH Y Hà Nội năm 2011	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			413/1	63-67	2013
33	Nhận xét tình trạng lệch lạc khớp cắn ở học sinh 8-10 tuổi tại Trường Tiểu Học Đèn Lừ, Hoàng Mai, Hà Nội năm 2012	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			413/1	37-40	2013

34	Nhận xét kích thước ngang cung răng hàm trên và hàm dưới ở một nhóm sinh viên 18-25 đang học tại Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt năm 2013	02	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			907/3	12-14	2014
35	Đánh giá kết quả điều trị rối loạn chức năng khớp thái dương hàm bằng máng nhai ổn định.	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			902/1	66-69	2014
36	Nhận xét tình trạng kiểm soát mảng bám răng của sinh viên Răng hàm mặt-Trường đại học Y Hà Nội năm 2011	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			903/1	27-30	2014
37	Nghiên cứu hiệu quả trám bít hố rãnh răng hàm lớn thứ nhất ở trẻ em bằng Clinpro-sealant.	04	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			903/1	73-76	2014
38	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân rối loạn chức năng khớp thái dương hàm tại khoa Răng Hàm Mặt-Bệnh viện đại học Y Hà Nội.	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			903/1	30-32	2014
39	Nhận xét thực trạng mất răng sữa sớm ở học sinh 7-11 tuổi tại Trường tiểu học Nguyễn Trãi, Hà Đông	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			415/1	90-93	2014
40	Đánh giá hiệu quả điều trị của dược liệu đinh hương và bạch chỉ trên bệnh nhân viêm quanh răng tại Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Dương	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			415/1	108-114	2014

41	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và tình trạng bệnh viêm quanh răng tại Trường Cao đẳng y tế Bình Dương	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			415/2	48-53	2014
42	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và X-quang răng vĩnh viễn chưa đóng cuống có chỉ định điều trị nội nha	07		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			415/2	44-48	2014
43	Nhận xét chuẩn tân cổ điển ở một nhóm sinh viên 18-25 tuổi có khuôn mặt hài hòa trên ảnh kỹ thuật số chuẩn hóa.	04	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			906/2	131-136	2014
44	Mối tương quan giữa các kích thước khuôn mặt trên ảnh chuẩn hóa ở một nhóm học sinh PTTH- Trường Chu Văn An Hà Nội năm 2012.	02	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			906/2	140-144	2014
45	Hiệu quả làm giảm nồng độ khí Sulfur trong khoang miệng của cây nạo lưỡi ở sinh viên 21-26 tuổi đang học tại Viện Đào Tạo Răng Hàm mặt- Trường ĐH Y Hà Nội năm 2012.	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			905/2	47-50	2014
46	Đặc điểm lâm sàng, Xquang sâu răng mặt bên răng hàm sữa ở trẻ em 5-8 tuổi.	04	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			905/2	64-67	2014

47	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố ảnh hưởng đến cung răng do mất răng hàm sữa sớm ở một nhóm học sinh 7-11 tuổi năm 2011 tại Hà Nội	02		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			416/1	95-98	2014
48	Đánh giá hiệu quả điều trị kém phát triển chiều ngang xương hàm trên bằng ốc nong nhanh ở trẻ sau phẫu thuật khe hở môi-vòm miệng	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			908/3	13-16	2014
49	Kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh răng miệng của trẻ em mồ côi tại làng trẻ Birla-Hà Nội năm 2013	01	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			908/3	25-28	2014
50	Nồng độ khí sulfur trong khoang miệng ở sinh viên đang học tại Viện Đào tạo Răng Hàm mặt-Trường ĐHY Hà Nội năm 2012	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			908/3	30-32	2014
51	Thực trạng sâu răng, viêm lợi ở trẻ em mồ côi tại làng trẻ Birla-Hà Nội năm 2013	01	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			908/3	158-160	2014
52	Nhận xét tình hình sâu răng sữa ở trẻ em 7-8 tuổi tại trường Tiểu học Tả Thanh Oai	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			909/3	108-110	2014
53	Thực trạng khớp cắn răng sữa của học sinh trường mầm non Việt Triều Hà Nội	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			424/2	141-145	2014
54	Một số đặc điểm của răng nanh ngầm hàm trên trên phim CT cone beam	02	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			424/2	124-129	2014

55	Khác biệt giữa kích thước ngang xương hàm trên và dưới ở nhóm sinh viên 18-25 tuổi tại Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt,	04	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			88/3	89-95	2014
56	Khảo sát góc Bennett, dốc quỹ đạo lồi cầu và một số thông số khác bằng bộ ghi trục Quick-Axis ở sinh viên Viện Đào Tạo Răng-Hàm-Mặt 18-25 tuổi	03	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			417/2	4-9	2014
57	Nhận xét hiệu quả điều trị sâu răng mặt bên của răng hàm sữa chưa tổn thương tủy ở trẻ em 5-7 tuổi bằng Fuji VII	01	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			914/4		2014
58	Nhận xét hiệu quả phục hình răng bằng vật liệu sứ Cercon	03		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			39/3	176-181	2014
59	Nhận xét một số đặc điểm hình thái nhóm răng trước hàm trên ở một nhóm học sinh người Việt Nam tuổi từ 15-17	01	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			416/2	102-105	2014
60	Mối tương quan giữa một số kích thước ngang của nhóm răng phía trước hàm trên với kích thước khuôn mặt trên ảnh chụp chuẩn hoá,	02	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			417/4	100-103	2014
61	Kiến thức, thái độ hành vi của học sinh Trường tiểu học Trung Liệt về chăm sóc răng miệng	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			913/4	57-60	2014

62	Nhận xét kết quả lành thương lâm sàng xquang sau cắm lại răng sớm trên thực nghiệm	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			923/6	96-102	2014
63	Thực trạng răng sữa dính, răng sinh đôi của học sinh trường mầm non Việt Triều-Hà nội năm 2014	05	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			418/5	130-133	2014
64	Nhận xét tình hình sâu răng sữa ở học sinh Trường tiểu học Thanh Liệt.	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			418/5	130-133	2014
65	Vị trí bám phanh môi trên ở học sinh Trường dân tộc nội trú xã Thái An, Quận Bạ, Hà Giang năm 2014.	05	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			924/7	88-91	2014
66	Nhận xét hiệu quả phục hồi thân răng hàm sữa bằng chụp thép có sẵn.	03	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			924/7	83-86	2014
67	Kết quả điều trị phẫu thuật phanh môi bám bất thường bằng Laser Diode	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			941/11	88-91	2014
68	Mối liên quan giữa tình trạng lệch lạc khớp cắn với hình dạng khuôn mặt ở một nhóm người Việt độ tuổi 18-25	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			941/11		2014
69	Face height characters in the harmonious face of a group of Vietnamese students 18 – 25 age studying at school of odonto-stomatology	04	X	Vietnam journal of medicine and pharmacy ISSN 0866-7942			3/3	8-15	2014

70	Orthodontic treatment need among pupils aged 8-10 at Den Lu primary school, Hoang mai district Ha noi in 2013	02		Vietnam journal of medicine and pharmacy ISSN 0866-7942			1/4	29-36	2014
71	Dental trauma in the primary dentition in the Ha noi National Hospital of Odontostomatology	04	X	Vietnam journal of medicine and pharmacy ISSN 0866-7942			1/4	23-29	2014
	Sau khi được công nhận PGS								
72	Biến chứng tiêu chân răng bên cạnh của răng nanh ngầm hàm trên trên phim CT conebeam	02		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			95/3	40-49	2015
73	Attachment and morphology of maxillary labial frenum in a group of Trung Tu school pupils from 8 to 10 years old	03	X	Vietnam journal of medicine and pharmacy ISSN 0866-7942			7/1	20-25	2015
74	Một số đặc điểm sọ mặt trên phim sọ nghiêng ở bệnh nhân có hội chứng ngừng thở khi ngủ do tắc nghẽn	04		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			98/6	64-71	2015
75	Đánh giá hiệu quả điều trị của năng lượng Laser bán dẫn trên bệnh viêm loét niêm mạc miệng tái diễn (RAS)	03		Tạp chí Y học Việt Nam- ISSN : 1859-1868			436/2	19-24	2015

76	Một số đặc điểm kết cấu sọ-mặt ở nhóm học sinh người Việt lứa tuổi 11 trên phim sọ nghiêng	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			439/1	36-40	2016
77	Đánh giá hiệu quả bảo tồn của Laser bán dẫn trên bệnh Viêm quanh răng	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			439/1	40-46	2016
78	Nghiên cứu một số chỉ số sọ-mặt chiều trước sau trên phim sọ nghiêng từ xa ở một nhóm người Việt tuổi từ 18-25 có khớp cắn bình thường,	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			439/2	36-40	2016
79	đặc điểm lâm sàng và Xquang răng nanh vĩnh viễn hàm trên ngầm	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			994/1		2016
80	Thực trạng lệch lạc khớp cắn ở nhóm học sinh tiểu học tại thành phố Việt Trì, tỉnh phú thọ năm 2015	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1010/5	71-74	2016
81	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tình trạng lệch lạc khớp cắn ở trẻ từ 8-10 tuổi	03		Tạp chí Y học Quân sự ISSN : 1859-1655			315		
82	Nhận xét đặc điểm tăng trưởng kích thước ngang vùng đầu mặt ở trẻ em Việt Nam 7 đến 11 tuổi trên ảnh chuẩn hoá	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1016/7	53-57	2016
83	Nhận xét đặc điểm tăng trưởng kích thước dọc vùng đầu mặt ở trẻ em Việt Nam 7 đến 11 tuổi trên ảnh chuẩn hoá,	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1016/7	26-29	2016
84	Đặc điểm hình dạng khuôn mặt ở một nhóm người dân tộc Chứt tại bản Rào Tre, Hương Khê, Hà Tĩnh	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1016/7	8-12	2016

85	Thói quen nuôi dưỡng và sâu răng trẻ em sớm độ tuổi 36-71 tháng tại Trường mầm non X20, Hà nội năm 2014	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1014/6	4-7	2016
86	Nhu cầu và thực trạng sử dụng dịch vụ chăm sóc răng miệng của nhóm dân cư ở xã Hải Bối năm 2015	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1014/6	61-64	2016
87	Nhận xét đặc điểm kết cấu đầu mặt người dân tộc Pa-cô tuổi từ 18-25 tại tỉnh Thừa Thiên Huế trên ảnh chuẩn hoá,	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1014/6	92-94	2016
88	Phân loại hình thái khuôn mặt theo Jerolimov-celebie người dân tộc Pa-cô từ 18-25 tỉnh Thừa Thiên Huế trên ảnh chuẩn hoá	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1014/6	158-161	2016
89	Nghiên cứu một số chỉ số, số đo, kích thước đầu mặt trên phim sọ nghiêng từ xa ở một nhóm sinh viên người Việt tuổi từ 18-25 có khớp cắn bình thường.	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			446/9	56-52	2016
90	Ứng dụng hệ thống CA-Smart trong việc xác định kích thước cung răng trên nhóm sinh viên có khớp cắn bình thường.	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			446/9	62-68	2016

91	Đặc điểm hình dạng khuôn mặt trên một nhóm sinh viên người Việt tuổi từ 18-25 có khớp cắn bình thường và khuôn mặt hài hoà trên ảnh chuẩn hoá kỹ thuật số.	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			446/9	68-75	2016
92	Nhận xét mối tương quan xương-răng trên phim sọ nghiêng từ xa ở một nhóm sinh viên người Việt tuổi từ 18-25 có khớp cắn bình thường và khuôn mặt hài hoà.	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			446/9	75-82	2016
93	Đặc điểm hình thái đầu mặt ở trẻ em 7 tuổi bằng phương pháp đo trực tiếp.	07		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	354-362	2017
94	Đặc điểm hình thái khuôn mặt ở một nhóm sinh viên độ tuổi 18-25 trên ảnh kỹ thuật số chuẩn hoá.	07		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	399-404	2017
95	Một số chỉ số sọ mặt ở một nhóm trẻ em người Kinh 12 tuổi tại Hà Nội trên phim sọ mặt từ xa kỹ thuật số.	06		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	418-424	2017
96	Sự thay đổi kích thước cung răng ở nhóm học sinh người việt lứa tuổi 11-12	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			455/2	1-4	2017
97	Đánh giá góc mũi môi và mối tương quan với độ nghiêng mũi, môi trên của người tuổi 18-25	06		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9		2017

98	Tương quan giữa hình dạng răng cửa giữa hàm trên và hình dạng cung răng trên một nhóm đối tượng người Việt trưởng thành tuổi 18-25 ở Hà nội năm 2017	05		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	495-503	2017
99	Đặc điểm đường thẩm mỹ S, E và một số góc mô mềm ở một nhóm sinh viên dân tộc Thái độ tuổi 18-25 trên ảnh mặt nghiêng chuẩn hoá	04		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	503-508	2017
100	Mối liên quan giữa một số chỉ số sọ mặt trên phim sọ mặt nghiêng từ xa với hình thái mọc răng khôn hàm dưới ở người Việt trưởng thành	04		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN 1859 - 0748			42/9	545-551	2017
101	Đặc điểm nhân trắc đầu mặt ở trẻ em người Kinh 7 tuổi tại HÀ NỘI trên phim sọ nghiêng	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	256-262	2018
102	Đặc Điểm lâm sàng sâu răng hàm lớn vĩnh viễn thứ nhất ở trẻ em 6-12 tuổi	07		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1082/10	8-11	2018
103	Hiệu quả điều trị sâu răng hàm vĩnh viễn giai đoạn sớm bằng Clinpro TM XT Varnish	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1083/10	162-165	2018
104	Đặc điểm hình thái khuôn mặt lứa tuổi 18-25 tại Bình Dương	06		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	285-290	2018
105	Đặc điểm hình thái đầu mặt trên phim sọ mặt thẳng từ xa và ảnh thẳng chuẩn hoá người trưởng thành 18-25 tuổi có khớp cắn Angle I	06		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	200-205	2018

106	Mối tương quan giữa hình dạng răng cửa giữa hàm trên với hình dạng cung răng của người Tày	06		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	251-255	2018
107	Hình dạng cung răng của một nhóm học sinh Tày 12 tuổi tại Lạng Sơn năm 2017	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	291-294	2018
108	Thực Trạng khớp cắn của trẻ em người Tày 12 tuổi Lạng Sơn năm 2017	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	295-299	2018
109	Đặc điểm hình thái, kích thước khuôn mặt của sinh viên dân tộc kinh độ tuổi 18-25 tại Trường Cao đẳng Y Tế Hà nội và Bình dương	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1083	32-37	2018
110	Kích thước cung răng trẻ em Mường Việt Nam 12 tuổi	06		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/8	268-273	2018
111	Kiểu mặt theo chiều đứng trên phim sọ nghiêng từ xa theo phân tích Tweed ở một nhóm người Kinh 18-25 tuổi có khớp cắn loại I Angle	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/9	179-183	2018
112	Hình dạng cung Răng của người Kinh và Tày lứa tuổi 18-25 ở Hà Nội, Lạng Sơn năm 2017	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/9	189-192	2018
113	Đặc điểm hình thái đầu mặt trẻ em 7 tuổi người dân tộc Kinh trên ảnh chuẩn hoá thẳng và nghiêng kỹ thuật số	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/9	317-324	2018
114	Một số kích thước của nhóm răng trước hàm trên ở người Kinh tuổi từ 18-28 tại Hà Nội năm 2017-2018	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			469/9	330-335	2018

115	Kết quả điều trị phanh môi bám bất thường bằng Laser dioade ở trẻ em từ 7-11 tuổi	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1110/9	43-47	2019
116	Đặc điểm một số chỉ số khuôn mặt ở nhóm sinh viên có khuôn mặt hài hoà trên phim cephalometric (2019)	05		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			483/10	253-259	2019
117	Một số quan điểm về khuôn mặt hài hoà của sinh viên đại học Bình dương, đại học thủ đầu một và cao đẳng y tế bình dương	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1088/1	24-28	2019
118	Nhận xét một số kích thước cung răng của trẻ 12 tuổi dân tộc Kinh tại Hà Nội và Bình dương	05		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1088/1	17-19	2019
119	Liên quan giữa sâu răng và chất lượng cuộc sống của trẻ em 5 tuổi tại Thái Nguyên	03		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			122/6	1-7	2019
120	Nghiên răng và mối liên quan với áp lực học tập của sinh viên đại học y Hà nội	03		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			128/4	144-151	2020
121	Mối liên quan giữa phanh môi trên bám bất thường đến răng và nha chu của răng cửa giữa hàm trên ở học sinh từ 7 đến 11 tuổi tại Hà Nội	03		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			126/2	74-83	2020
122	Phục hồi thành công răng cửa sữa sâu vỡ lớn bằng chụp Zirconia có sẵn	03		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496/2	5-8	2020

123	Thực trạng kém khoáng hoá men răng hàm lớn-răng cửa ở nhóm học sinh 12-15 tuổi tại Bình Định năm 2019-2020	02		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496/2	51-55	2020
124	Một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của răng hàm sữa hàm trên có bệnh lý tủy hoại tử ở một nhóm bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2019	04		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496/2	71-75	2020
125	Đặc điểm lâm sàng bệnh dính lưỡi và chỉ định phẫu thuật tạo hình phan lưỡi ở trẻ em	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			128/4		2020
126	Value of dental arch index in class I occlusion of 12 year-old muong vietnamese children	5		Journal of medical research ISSN : 2395-7565			136/12		2020
127	Mối liên quan giữa thực trạng kém khoáng hóa men răng (MIH) và chấn thương răng sữa, răng sữa mất sớm ở học sinh 12-15 tuổi tại một số tỉnh thành ở Việt Nam	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			502/1	13-17	2021
128	Xây dựng hệ dữ liệu hỗ trợ máy học để chẩn đoán sàng lọc sâu răng giai đoạn sớm	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 2354-080X			137/1		2021
129	Phân tích kích thước khuôn mặt theo hình dạng khuôn mặt người Việt từ 18-25 tuổi tại Bình Dương	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			502/1	141-144	2021

130	Hình dạng khuôn mặt của một nhóm trẻ em 12 tuổi người Việt tại Hà Nội trên ảnh chuẩn hóa thẳng.	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			502/1	206-210	2021
131	Kiến thức, thái độ về việc phát hiện rối loạn tâm lý ở trẻ em của Bác sỹ răng hàm mặt tại một số bệnh viên ở Hà Nội năm 2020-2021	3	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			502/2	39-41	2021
132	Thực trạng sâu răng của một nhóm người khiếm thị tại một số quận ở Hà Nội năm 2020-2021	3	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			503/1	10-12	2021
133	Nhận xét giá trị chẩn đoán bệnh răng khôn mọc lệch của học máy	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			503/1	200-203	2021
134	Sự tăng trưởng chiều rộng cung răng ở các giai đoạn của trẻ em Mừng từ 12 đến 14 tuổi	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			504/1	90-95	2021
135	Thực trạng răng sữa dính, răng sữa sinh đôi của trẻ 3-5 tuổi và tình trạng khớp cắn của trẻ có bất thường răng này tại một số trường mẫu giáo ở Hà Nội, Việt Nam năm 2017	6		Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			504/1	185-188	2021

136	Thực trạng tiêu viêm chân răng hàm sữa ở bệnh nhân 5-8 tuổi đến khám tại Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt và Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2020-2021	3	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN 1859-1868			503/01	45-49	2021
137	Thực trạng stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Răng Hàm Mặt Trường Đại Học Y Hà Nội	3	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			142/6	68-77	2021
138	The Micrograph Image of Early Experimental Dental Caries in Permanent Teeth	05	X	Journal of Dentistry Indonesia ISSN: 1693-9697 https://doi.org/10.14693/jdi.v23i1.973	ISI (ESCI)		23/1	10-16	2016
139	The effect of casein phosphopeptide-amorphous calcium fluoride phosphate on the remineralisation of artificial caries lesions: an in vitro study	05	X	Journal of Dentistry Indonesia ISSN: 1693-9697 https://doi.org/10.14693/jdi.v24i2.1044	ESCI		53/1	34-40	2017
140	The Combination of Adaptive Convolutional Neural Network and Bag of Visual Words in Automatic Diagnosis of Third Molar Complications on Dental X-ray Images	08	X	Diagnostics ISSN: 2075-4418 https://doi.org/10.3390/diagnostics10040209	SCIE (3.110)		10/4	209	2020

141	Skeletal class III Malocclusion with Lateral Open Bite and Facial Asymmetry Treated with Asymmetric Lower Molar Extraction and Lingual Appliance : A Case Report	3	X	International journal of Environment al Research and Public Health ISSN: 1660-4601 https://doi.org/10.3390/ijerph18105381	SCIE (2,849)		18/10	5381	2021
142	Periapical Lesion Diagnosis Support System Based on X-ray Images Using Machine Learning Technique	09	X	Wold Journal of Dentistry ISSN: 0976-6006, eISSN: 0976-6014 DOI: 10.5005/jp-journals-10015-1820	Scopus (Q4)		12/3	189-193	2021
143	Cephalometric norms for the Vietnamese population	06		APOS trends in orthodontics ISSN: 2321-1407 DOI:10.4103/2321-1407.186435	ISI (ESCI)		6	200-2004	2016
144	Prevalence of early childhood caries and its related risk factors in preschoolers: Result from a cross sectional study in Vietnam	07		Pediatric dental Journal ISSN: 0917-2394 https://doi.org/10.1016/j.pdj.2017.03.001	ESCI		27/2	79-84	2017

145	Dental diagnosis from X-ray images: an expert system based on Fuzzy computing, Biomedical Signal processing and control	05		Biomedical Signal processing and control ISSN: 1746-8094 DOI:10.1016/j.bspc.2017.07.005	SCIE (3.137)		2018/39	64-73	2017
146	Pulpotomy management using Laser diode in pediatric patient with severe hemophilia A under general anesthesia – A case report	04	X	Special care in dentistry ISSN(s): 1754-4505 DOI: 10.1111/scd.12279	ESCI (Q3, 0,703)		38/3	155-159	2018
147	The higher prevalence of developmental defects of enamel in the dioxin affected region vs non-dioxin affected region: result from a cross sectional study in Vietnam	11	X	Odontology ISSN : 1618-1255 DOI: 10.1007/s10266-018-0358-1	SCIE (1,840)		107/1	17-22	2018
148	Clinical, radiographic and genetic characteristics of hypohidrotic ectodermal dysplasia: A cross-sectional study	10	X	Clinical Genetics ISSN : 1399-0004 • DOI: 10.1111/cge.13435	SCIE (3,578)		94/5	484-486	2018
149	Efficacy of electrochemically activated water solution in gingivitis treatment	10	X	Journal of Pharmaceutical Investigation Electronic ISSN : 2093-6214 DOI:10.1007/s40005-018-00419-7	SCIE (IF=N/A)		49	323-329	2018

150	Radicular cyst in a primary molar following pulp therapy with gutta percha: a case report and literature review	07	X	Journal of Clinical and Experimental Dentistry ISSN : 1989- 5488 DOI:10.4317/jced.55309	SCOPÉ (Q2)		11/1	85-90	2019
151	Onsite treatment of oral ulcers caused by cheek biting: A minimally invasive treatment approach in a pediatric patient	04	X	clinical case reports ISSN: 2050- 0904 DOI:10.1002/ccr3.1978	ESCI		2019	1-5	2019
152	Evaluation of dental arch dimensions in 12 year-old Vietnamese children - A crosssectional study of 4565 subjects	15	X	Scientific report ISSN: 2045-2322 DOI:10.1038/s41598-019-39710-4	SCIE (IF=N/A)		9/1	3101	2019
153	An Unusual Tooth Shedding with Internal Resorption: A Case Report	06	X	Biomedicine Hub e-ISSN: 2296-6870 DOI:10.1159/000496450	Pubmed		4/1	1-5	2019
154	Reduced Need of Infiltration Anesthesia Accompanied With Other Positive Outcomes in Diode Laser Application for Frenectomy in Children	07	X	Journal of laser in medical sciences ISSN: 1435- 604X print ISSN: 0268-8921 DOI:10.15171/jlms.2019.15	ESCI		10/2	92-96	2019

155	Prevalence of dental fear and its relationship with primary dental caries in 7 year old children	13	X	Pediatric Dental Journal ISSN: 0917-2394 DOI:10.1016/j.pdj.2019.04.002	ESCI		2009/18	453-457	2019
156	The dental arch dimensions in Vietnamese children at 7 years of age and their variation by gender ethnicity	12	X	Journal of oral Biology and craniofacial Research ISSN : 2212-4268 • DOI: 10.1016/j.jobcr.2019.06.004	Scopus (Q3)		9	236-240	2019
157	Perception of dentists and non-professionals on some dental factors affecting smile aesthetics: a study from Vietnam	10	X	International Journal of Environmental Research and Public Health ISSN: 1660-4601 DOI:10.3390/ijerph17051638	SCIE (2,849)		17/5	1638	2020
158	Bruxism, Related Factors and Oral Health-Related Quality of Life Among Vietnamese Medical Students	06		International Journal of Environmental Research and Public health ISSN: 1660-4601 DOI:10.3390/ijerph17207408	SCIE (2,849)		20/17	7408	2020

159	Diagnostic value of fluorescence methods, visual inspection and photographic visual examination in initial caries lesion: a systematic review and meta analysis	10	X	Dentistry Journal ISSN: 2304-6767 DOI: 10.3390/dj9030030	ESCI		9/3	30	2021
-----	---	----	---	--	------	--	-----	----	------

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Ứng dụng công nghệ 3D chế tạo mô hình giải phẫu, tế bào, mô phục vụ giảng dạy cho sinh viên Y Dược	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam	1365/QĐ-LHHVN, 30/12/2019	05
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

(UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: 01 sách Chuyên khảo.

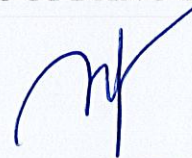
(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Võ Trương Như Ngọc